

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 4 - 2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sầm Thị Tươi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông La Mạnh Đào

2. Ông Nguyễn Mạnh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Ngọc Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tẩn Thị C, năm sinh 2001

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn C1, xã Q, huyện S, tỉnh Lào Cai – Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Ly A C2, năm sinh 2001

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi đi làm nghĩa vụ quân sự: Thôn M, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai;

Đơn vị đóng quân hiện nay là: Đại đội 6, Tiểu Đoàn 5, Trung Đoàn 148, Sư Đoàn 316; Địa chỉ: Xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2021 và biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2021, nguyên đơn chị Tẩn Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tẩn Thị C và anh Ly A C2 tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng vào tháng 3/2017, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, chưa được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vì khi về chung sống anh chị chưa đủ tuổi kết hôn với nhau. Sau khi lấy nhau, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do đầu năm 2019, anh C2 đã bỏ nhà đi đâu chị không biết, gia đình anh C2 cũng giấu không cho chị biết tin tức gì về anh C2; thời gian chị tiếp tục chung sống với bố mẹ chồng thì thường xuyên bị quất mắng nên chị đã về sinh sống cùng với bố mẹ đẻ từ đầu năm 2019 đến nay; khi anh C2 đi làm nghĩa vụ

quân sự chị cũng không biết gì. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ly A C2 để đảm bảo cuộc sống riêng của chị.

Về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống chị và anh Ly A C2 có một người con chung là cháu Tần Thị Y sinh ngày 23/01/2018, hiện nay cháu Y đang ở với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Tần Thị Y đến khi cháu Y đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Trong giấy khai sinh của cháu Y chỉ mới ghi thông tin về mẹ, để trống phần cha vì khi khai sinh cho cháu thì chị và anh C2 chưa đăng ký kết hôn với nhau nhưng chị xác nhận cháu Y là con chung của chị và anh Ly A C2.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp.

2. Đề nghị của bị đơn:

Tại bản tự khai ngày 17/3/2021 bị đơn anh Ly A C2 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Ly A C2 cũng xác nhận anh và chị Tần Thị C tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng vào tháng 3/2017; đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn với nhau, chưa được hai bên gia đình tổ chức đám cưới do khi về chung sống với nhau, anh và chị C chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật. Về chung sống được 02 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế nên anh đã bỏ đi làm không nói gì với chị C vào đầu năm 2019; chị C cũng không biết anh đi đâu. Sau đó chị C ở lại cùng với bố mẹ anh C2 được một thời gian, đến tháng 4/2019 thì về nhà bố mẹ đẻ sinh sống đến nay. Nay chị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh thì anh cũng hoàn toàn nhất trí ly hôn với chị C và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về nuôi con khi ly hôn: Anh Ly A C2 xác nhận đúng như toàn bộ nội dung chị C đã trình bày về con chung; cháu Tần Thị Y, sinh ngày 23/01/2018 là con chung của anh và chị C.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho đề nghị của bị đơn là có căn cứ và hợp pháp.

Đối với vụ án này, Tòa án đã tiến hành hòa giải về nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật.

4. Ý kiến của Viện kiểm sát:

4.1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Về thẩm quyền thụ lý; việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39; Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự đúng quy định tại Điều 195, Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Thời hạn chuẩn bị xét xử được thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 239, 243, 249, 250; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại Điều 237 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

4.2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

4.3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 71, khoản 1,2 Điều 81, khoản 1,2,3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xét xử theo hướng:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Tần Thị C và anh Ly A C2 là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Tần Thị Y sinh ngày 23/01/2018 cho chị Tần Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi, anh Ly A C2 không phải phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không đề cập giải quyết.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

4.4. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự tự thỏa thuận với nhau bằng văn bản yêu cầu Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân huyện S thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, các đương sự đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự và chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, sau khi Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thì nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh C2 tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên việc anh chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn là không có căn cứ nên không được chấp nhận mà Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị C và anh C2 là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị C và anh C2 có một người con chung là cháu Tần Thị Y, sinh ngày 23/01/2018, hiện nay cháu Y đang ở với chị C. Tại biên bản hòa giải ngày 17/3/2021 chị C và anh C2 đã thỏa thuận với

nhau để chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Y cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi; anh C2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh chị đều trình bày, sẽ giữ nguyên ý kiến đã trình bày, đã thỏa thuận với nhau khi Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án. Về điều kiện nuôi con thì anh chị đều xác nhận, thu nhập của chị C hiện nay mỗi tháng là 3.000.000 đồng, mức thu nhập này đã được UBND xã Q xác nhận; còn anh C2 đang đi thực hiện nghĩa vụ quân sự nên không có thu nhập.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, có căn cứ, tuy nhiên các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Hội đồng xét xử cần giao cháu Tân Thị Y, sinh ngày 23/01/2018 cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi; anh Ly A C2 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là có căn cứ, phù hợp với khoản 1,2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 1,2 Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Tân Thị C và anh Ly A C2 là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Tân Thị Y, sinh ngày 23/01/2018 cho chị Tân Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi. Anh Ly A C2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Tân Thị C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003884 ngày 17/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Lào Cai. Chị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện S (2);
- CCTHADS huyện S;
- Lưu: HS, THS (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Sầm Thị Tươi

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện S (2);
- CCTHADS huyện S;
- Lưu: HS, THS (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sầm Thị Tươi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

La Mạnh Đào

Nguyễn Mạnh Tùng

Sầm Thị Tươi

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện S (2);
- CCTHADS huyện S;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tổng Duy Toán

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Hồng

Dương Thị Hoa

Tổng Duy Toán

Giải quyết yêu cầu cấp dưỡng ko được dưới ½ tháng lương tối thiểu

chị Gánh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Dở cho đến khi cháu Dở đủ 18 tuổi; giải quyết cho anh Vu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Gia đến khi cháu Gia đủ 18 tuổi. Cũng tại phiên hòa giải ngày 03/02/2020, chị Gánh thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc cấp

dưỡng nuôi con chung là: do cháu Gia bị tật ở chân không đi được, nên chị Gánh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Gia mỗi tháng là 500.000 đồng từ tháng 01 năm 2020 cho đến khi cháu Gia đủ 18 tuổi

[5] Về quan hệ tài sản: Ngày 27/3/2017, chị Dúa đã làm đơn đề nghị Toà án cho chị Dúa được rút một phần đơn khởi kiện về quan hệ tài sản, việc rút một phần đơn khởi kiện về quan hệ tài sản của chị Dúa là hoàn toàn tự nguyện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện về quan hệ tài sản của chị Dúa đã rút trong vụ án hôn nhân gia đình. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về quan hệ tài sản của chị Dúa và anh Dìn trong vụ án này - **Xem lại có đưa đoạn này vào bản án không**

Nếu xử giao con tuyên: Giao con chung cháu Sùng Văn Minh sinh ngày 14/7/2010 cho anh Sùng Seo Xanh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Minh đủ 18 tuổi. Chị Giàng Thị Mỹ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.